

Số: /BC-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2023; Thông báo số 35/TB-TTHĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo nội dung, thời gian tổ chức Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (*Chương trình*) trên địa bàn tỉnh năm 2023, cụ thể như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 729/KH-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023<sup>1</sup> và các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình; trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể, chi tiết đến từng đơn vị, địa phương, xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và tiến độ thực hiện trong công tác cụ thể hoá về cơ chế, chính sách, thực hiện Chương trình theo quy định.

Hiện nay, các Sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ đang tiếp tục khẩn trương xây dựng, hoàn thiện thủ tục đề trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn ... để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

#### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

##### 1. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ

##### a) Về mục tiêu giảm nghèo

<sup>1</sup> về thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, các cấp, ngành đang triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Kế hoạch số 3078/KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự kiến sẽ hoàn thành trước 15 tháng 12 năm 2023. Dự kiến kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh đến cuối năm 2023 là 4,04%; các huyện nghèo bình quân mỗi huyện giảm 10,50%<sup>2</sup>.

### ***b) Các mục tiêu khác***

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Trong 09 tháng đầu năm 2023, đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp với tổng số 3.859 người<sup>3</sup>. Đào tạo nghề cho người lao động: Đã tiến hành mở lớp đào tạo cho 464 học viên (đạt 14,06%)<sup>4</sup>. Tổng số lao động được giải quyết việc làm lũy kế từ đầu năm là 5.100 người, đạt 85% kế hoạch năm<sup>5</sup>.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng toàn tỉnh thể nhẹ cân (*cân nặng/tuổi*) xuống còn 17,1%; thể thấp còi (*chiều cao/tuổi*) xuống còn 29,2% vào năm 2022; số liệu năm 2023 Viện Dinh dưỡng chưa công bố<sup>6</sup>.

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp về các chương trình, chính sách, mô hình về giảm nghèo đến người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh<sup>7</sup>.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được đào tạo, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ<sup>8</sup>.

## **2. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình**

### ***a) Tình hình huy động, phân bổ vốn thực hiện Chương trình***

- *Ngân sách Trung ương*: 283.570 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển*: 141.429 triệu đồng; *Vốn sự nghiệp*: 142.141 triệu đồng).

- *Ngân sách địa phương*: 30.761 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển*: 14.143 triệu đồng; *Vốn sự nghiệp*: 16.618 triệu đồng). Vốn đối ứng ngân sách địa phương (*vốn sự nghiệp*) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia các đơn vị, địa phương đăng ký nêu trên đã đảm bảo cao hơn số vốn đối ứng tối thiểu theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>9</sup>.

### ***b) Giải ngân năm 2023***

<sup>2</sup> Tại Văn bản số 1004/UBND-KGVX ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>3</sup> trong đó: Trình độ cao đẳng: Thực hiện duy trì đào tạo cho 547 sinh viên; trình độ trung cấp đào tạo 1.058 học sinh; trình độ sơ cấp: cấp chứng chỉ tốt nghiệp trình độ sơ cấp cho 1.790 người.

<sup>4</sup> trong đó nghề nông nghiệp 284 lao động, nghề phi nông nghiệp 180 lao động.

<sup>5</sup> cung ứng, giới thiệu 570 lao động làm việc trong và ngoài tỉnh; số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 36 người<sup>5</sup>; thông qua chương trình cho vay giải quyết việc làm là 2.348 người; giải quyết việc làm thông qua các chính sách khác: 2.146 người

<sup>6</sup> Sẽ cập nhật sau khi có số liệu của Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế

<sup>7</sup> tiến hành hợp đồng truyền thông với Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum, Tạp chí Lao động - Xã hội, Công ty cổ phần truyền thông VTD; xây dựng Pano tuyên truyền về giảm nghèo trên địa bàn các huyện thành phố; Kế hoạch in băng rôn nhân Tháng cao điểm vì người nghèo; xuất bản tờ gấp tuyên truyền về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; đối thoại chính sách và tuyên truyền về Chương trình.

<sup>8</sup> Đã tổ chức 05 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác giảm nghèo năm 2023 cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

<sup>9</sup> Ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 10% thực hiện Chương trình.

- Ngân sách trung ương: 87.764 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 65.075 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 22.689 triệu đồng) đạt 30,95% dự toán Trung ương giao.

- Ngân sách địa phương: Đã được phân bổ kinh phí cụ thể cho các đơn vị, địa phương. Hiện nay, các sở, ngành, đơn vị, địa phương đang triển khai, thực hiện<sup>10</sup>.

*(Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo)*

**3. Kết quả thực hiện Chương trình:** Nội dung, kinh phí phân bổ triển khai thực hiện từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình tại Phụ lục 03 kèm theo.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

- Các cấp, các ngành, chính quyền địa phương đã chủ động ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, điều hành, hệ thống cơ chế, chính sách, chủ động trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả. Quá trình thực hiện Chương trình tại các đơn vị, địa phương luôn nhận được sự phối hợp tham gia của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Đảm bảo tiến độ về phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tại các địa phương đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Một số dự án đầu tư quan trọng đã và đang chuẩn bị đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững.

#### **2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân**

##### **a) Khó khăn, vướng mắc**

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương về triển khai Chương trình chưa kịp thời; tỷ lệ giải ngân vốn thực hiện Chương trình đạt thấp.

- Trong giai đoạn triển khai theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế<sup>11</sup>, việc mua sắm, cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng cho các đối tượng thuộc phạm vi thụ hưởng của Chương trình trên địa bàn tỉnh cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Hiện nay các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện quy trình mua sắm theo hướng dẫn mới tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng

<sup>10</sup>Năm 2023, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã có Văn bản số 554/STC-QLNS ngày 21/02/2023 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh vốn đối ứng lồng ghép ngân sách địa phương thực hiện các CTMTQG.

<sup>11</sup> về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế (thay thế Quyết định số 1768/QĐ-BYT); tuy nhiên đa số sản phẩm dự kiến từ tháng 11/2023 mới có nguồn cung cấp.

- Đối với dự án 4 thuộc Chương trình:

+ Tiêu dự án 1, Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp; Trường Trung cấp và Trường Cao đẳng; Tại khoản 1, Điều 44, Luật Giáo dục năm 2019 thì cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm học tập cộng đồng và Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên. Đối chiếu với các quy định trên các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện **không thuộc** đối tượng thụ hưởng các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 (*gồm hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị...*). Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp gặp rất nhiều khó khăn<sup>12</sup>.

+ Tiêu dự án 3, Hỗ trợ việc làm bền vững (vốn đầu tư phát triển), chưa có hướng dẫn cụ thể để địa phương xây dựng phần mềm thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tích hợp được với các phần mềm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng: (1) sản giao dịch việc làm trực tuyến, (2) cơ sở dữ liệu **việc tìm người - người tìm việc**, (3) cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác. Ngoài ra, Bộ chưa có hướng dẫn cụ thể về yêu cầu đối với phần cứng (*danh mục trang thiết bị công nghệ thông tin, cấu hình tối thiểu cho từng loại thiết bị,...*) để đáp ứng các phần mềm nêu trên do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng, nên địa phương chưa có cơ sở lập dự án đầu tư.

- Một số đơn vị chưa có hoặc thống kê chưa đầy đủ số liệu thống kê kết quả thực hiện theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội<sup>13</sup>.

- Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa thực sự quyết liệt, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình; chưa có các giải pháp để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho Chương trình như huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

- Một số hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn phương thức sản xuất truyền thống, lạc hậu, chưa có điều kiện áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, việc tiếp thu kiến thức tiến bộ kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất còn hạn chế; chưa mạnh dạn vay vốn để sản xuất, kinh doanh, chưa tự ý thức vươn lên thoát nghèo.

<sup>12</sup> Hướng dẫn tại Văn bản số 1136/TCGDNN-KHTC ngày 08/6/2023 và Văn bản số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

<sup>13</sup>Các huyện: Ngọc Hồi, Đắc Tô, Tu Mơ Rông.

## ***b) Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc***

### ***- Nguyên nhân khách quan***

+ Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

+ Trong 09 tháng đầu năm 2023 một số văn bản, quy định của Trung ương về triển khai, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung; vì vậy các địa phương cần có thời gian nghiên cứu, cập nhật.

### ***- Nguyên nhân chủ quan***

+ Một số công chức cấp xã chưa dành thời gian nghiên cứu kỹ về nội dung, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiểu dự án được quy định tại các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn thuộc Chương trình dẫn đến công tác tham mưu triển khai thực hiện còn lúng túng, bị động.

+ Công tác tham mưu, phối hợp giữa các sở, ban, ngành có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời; việc giải quyết những bất cập, khó khăn ở địa phương có nội dung, có lúc chưa kịp thời.

+ Một số văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa cụ thể, chi tiết, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Xem xét, thống nhất chủ trương cho phép địa phương chủ động điều chỉnh kinh phí sự nghiệp, kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ các nội dung, hoạt động, Tiểu dự án, Dự án không có khả năng thực hiện hoặc không giải ngân hết trong năm kế hoạch sang các nội dung, hoạt động, Tiểu dự án, Dự án khác đã có khối lượng, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo mức vốn đề nghị điều chỉnh không được cao hơn số vốn còn lại chưa giải ngân của Tiểu dự án, Dự án thuộc Chương trình.

- Xem xét điều chỉnh mục tiêu giảm nghèo đối với tỉnh Kon Tum được giao tại phụ lục II, kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>14</sup>. Xem xét bổ sung đối tượng thụ hưởng thuộc Chương trình là các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên<sup>15</sup>.

<sup>14</sup> Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình MTQG, trong đó giao đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo 4%/năm. Nội dung này, tại Báo cáo số 76/BC-UBND ngày 21/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy (về lãnh đạo thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, trong đó mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là từ 3 - 4%/năm) và tình hình thực tế tại địa phương. Theo đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Văn bản số 2159/LĐTBXH-VPQGG ngày 13/6/2023 trả lời như sau: trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy Kon Tum về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2022 xác định giao chỉ tiêu giảm nghèo giảm ít nhất 4%. Thủ tướng giao chỉ tiêu giảm nghèo cho tỉnh

## 2. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan

- Hiện nay có quá nhiều văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình do các cơ quan Trung ương ban hành, hướng dẫn, đề nghị các Bộ, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì nghiên cứu, tổng hợp, hợp nhất các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình để địa phương dễ nghiên cứu, áp dụng đồng bộ.

- Sớm có văn bản hướng dẫn về đối tượng “*người lao động có thu nhập thấp*”; đề xuất bổ sung Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

**3. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh:** Xem xét điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ về giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm (*năm 2024, 2025*) tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>16</sup> sau khi Chính phủ cho phép điều chỉnh mục tiêu giảm nghèo của tỉnh giao tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>17</sup>.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

### Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTTH, KGVX.<sub>PTP</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**

Kon Tum giai đoạn 2021- 2025 là 4%/năm tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022. **Thực tế** đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; dự kiến kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh đến cuối năm 2023 là 4,04%, tương ứng giảm 5.688 hộ nghèo; số hộ nghèo dự kiến đến cuối năm 2023 là 10.255 hộ, chiếm tỷ lệ 6,82% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. **Nếu năm 2024, 2025 Chính phủ vẫn giao tỉnh Kon Tum giảm tỷ lệ hộ nghèo 4%/năm thì khó có khả năng đạt mục tiêu Trung ương giao.** Đề nghị điều chỉnh mục tiêu “*Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giai đoạn 2022 – 2025 là 4%/năm*”<sup>(14)</sup> thành “*Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân giai đoạn 2021-2025 từ 3-4%/năm*” và đề nghị giao mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2024, năm 2025 của tỉnh Kon Tum từ 2 - 3%/năm.

<sup>15</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 3744/UBND-KGVX ngày 30/10/2023 đề nghị Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc xem xét.

<sup>16</sup> Về giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh 2021 - 2025.

<sup>17</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 76/BC-UBND ngày 21/3/2023 kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tham mưu Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mục tiêu giảm nghèo của tỉnh giao tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giai đoạn 2022-2025: 4%*) cho phù hợp với Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*giai đoạn 2021-2025 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân từ 3-4%/năm*) và tình hình thực tế địa phương.

**Phụ lục 01**  
**VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Tên Văn bản</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
<b>I</b>	<b>Văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>	
01	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2023	Về phê duyệt kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh
02	Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	Quy định định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; thực hiện một dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
<b>II</b>	<b>Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh</b>	
03	Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 04/01/2023	Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022
04	Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	Ban hành Quy định phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum
05	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023	Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
06	Kế hoạch số 632/KH-UBND 10/3/2023	Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
07	Kế hoạch số 353/KH-UBND 13/02/2023	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 - 2025
08	Kế hoạch số 729/KH-UBND 17/3/2023	Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh
09	Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02/3/2023	Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
10	Công văn số 611/UBND-KGVX ngày 09/3/2023	Về triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
11	Công văn số 1976/UBND-KGVX ngày 27/6/2023	về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 năm 2023 (Chương trình) và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
12	Kế hoạch số 1425/KH-UBND ngày 18/5/2023	Về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

13	Kế hoạch số 2304/KH-UBND ngày 19/7/2023	Về tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
14	Công văn số 2260/UBND-KGVX ngày 14/7/2023	Về triển khai thực hiện Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ
15	Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 14/7/2023	Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
16	Kế hoạch số 2470/KH-UBND ngày 01/8/2023	Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024
17	Kế hoạch số 3078/KH-UBND ngày 14/9/2023	Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
18	Báo cáo số 2881/BC-BCĐ ngày 31/8/2023	Đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
19	Công văn số 3147/UBND-KTTH ngày 20/9/2023	Về xây dựng phương án thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp) giai đoạn 2024-2025.
20	Công văn số 2767/UBND-KGVX ngày 24/8/2023	Về đề nghị của UBND huyện Tu Mơ Rông liên quan việc triển khai thực hiện nhiệm vụ “Cải thiện dinh dưỡng”
21	Kế hoạch số 3554/KH-UBND ngày 18/10/2023	Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
22	Báo cáo số 261/BC-UBND ngày 03/8/2023	Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá kết quả thực hiện năm 2023 và xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí năm 2024, Tiểu Dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025



**Phụ lục 03**  
**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**  
**CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Dự án 1, Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo<sup>18</sup>**

- Kinh phí Trung ương phân bổ: 133.580 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 121.436 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 12.144 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Năm 2023, danh mục dự án đầu tư được phê duyệt<sup>19</sup> thuộc Chương trình tại 03 huyện nghèo là 72 công trình nhằm phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ<sup>20</sup>. Hiện nay, các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện theo quy trình quy định<sup>21</sup>.

**2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

- Ngân sách trung ương phân bổ: 38.935 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Kết quả thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ 100% kinh phí về các huyện, thành phố<sup>22</sup>. Các huyện, thành phố đã hoàn tất công tác phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án<sup>23</sup>.

**3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

**- Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

+ Ngân sách trung ương phân bổ: 17.172 triệu đồng, trong đó phân bổ cho Sở Nông nghiệp và PTNT: 343 triệu đồng; các huyện, thành phố: 16.829 triệu đồng<sup>24</sup>.

+ Kết quả thực hiện: đối với cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn) đã thực hiện giải ngân đạt 100% kinh phí. Các huyện, thành phố đang triển

<sup>18</sup> Dự án 1 có 02 Tiểu dự án, tỉnh Kon Tum không thuộc đối tượng triển khai Tiểu dự án 2 (Hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn).

<sup>19</sup> Tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>20</sup> Trong đó: huyện Tu Mơ Rông 29 công trình; huyện Ia H'Drai 11 công trình; huyện Kon Plông 32 công trình.

<sup>21</sup> Trong đó, huyện Tu Mơ Rông đã giải ngân 9.041/42.218 triệu đồng, đạt 21,4%; huyện Ia H'Drai đã giải ngân 12.743/40.321 triệu đồng, đạt 31,6%; huyện Kon Plông đã giải ngân 26.734/38.897 triệu đồng, đạt 68%

<sup>22</sup> tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>23</sup> Huyện Ia H'Drai: đã phê duyệt 07 dự án nuôi bò sinh sản, chăn nuôi hươu lấy nhung, nuôi heo thịt. Huyện Đăk Glei: đang thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị đối với 13 mô hình, của các xã, thị trấn đề xuất. Huyện Ngọc Hồi: triển khai thực hiện 08 dự án về hỗ trợ bò cái sinh sản, trồng sả Java. Các huyện, thành phố còn lại đã thành lập Tổ thẩm định và đang tiến hành thẩm định các dự án cộng đồng cho cấp xã đề xuất.

<sup>24</sup> Thành phố Kon Tum: 1.575 triệu đồng; huyện Đăk Hà: 1.707 triệu đồng; huyện Đăk Tô: 1.251 triệu đồng; huyện Ngọc Hồi: 911 triệu đồng; huyện Tu Mơ Rông: 2.520 triệu đồng; huyện Đăk Glei: 1.838 triệu đồng; huyện Sa Thầy: 1.969 triệu đồng; huyện Kon Rẫy: 1.208 triệu đồng; huyện Kon Plông: 2.240 triệu đồng; huyện Ia H'Drai: 1.610 triệu đồng.

khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>(25)</sup>. Một số địa phương đã ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định để thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt các hồ sơ dự án, phương án sản xuất thuộc Chương trình.

### **- Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng**

+ Ngân sách Trung ương phân bổ: 7.181, trong đó phân bổ cho Sở Y tế: 718 triệu đồng; các huyện, thành phố: 6.463 triệu đồng<sup>26</sup>.

+ Kết quả thực hiện: Duy trì thường xuyên, đều đặn công tác theo dõi cân nặng và chiều cao, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi tăng trưởng của trẻ em dưới 2 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi được cân, đo ít nhất 3 tháng/lần đạt 95,8%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi được theo dõi tình trạng dinh dưỡng hàng tháng đạt 99,7%. Tiếp nhận và cấp phát đa vi chất cho phụ nữ mang thai trên địa bàn 3 huyện nghèo: Tu Mơ Rông, Kon Plông và Ia H'Drai (nguồn Viện Dinh dưỡng hỗ trợ cho các huyện nghèo), ước tính tỷ lệ bao phủ đạt trên 95%. Tổ chức truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề về cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho 248 bà mẹ tại 04 xã thuộc 02 huyện Đăk Glei và Ngọc Hồi; truyền thông, tư vấn về dinh dưỡng cho 2.757 bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ; tổ chức 180 buổi thực hành dinh dưỡng/hướng dẫn trình diễn thức ăn cho khoảng 3.348 bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại các xã khu vực III; triển khai Mô hình Chăm sóc trẻ 1.000 ngày đầu đời; tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề về phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi; hưởng ứng Tuần lễ “Dinh dưỡng và Phát triển” cho 1563 bà mẹ có con dưới 2 tuổi; triển khai hoạt động uống bổ sung vitamin A kết hợp với tẩy giun và cân/đo cho trẻ dưới 5 tuổi đợt 1 năm 2023 đạt được kết quả tích cực<sup>27</sup>. Tổ chức 09 lớp nâng cao năng lực triển khai nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình cho cán bộ y tế cấp huyện, xã với 224 học viên.

### **3. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

#### **a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

+ Ngân sách trung ương phân bổ: 42.944 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 16.710 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 26.234 triệu đồng.

<sup>25</sup> Về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

<sup>26</sup> Thành phố Kon Tum: 647 triệu đồng; huyện Đăk Hà: 582 triệu đồng; huyện Đăk Tô: 589 triệu đồng; huyện Ngọc Hồi: 505 triệu đồng; huyện Tu Mơ Rông: 962 triệu đồng; huyện Đăk Glei: 679 triệu đồng; huyện Sa Thầy: 582 triệu đồng; huyện Kon Rẫy: 521 triệu đồng; huyện Kon Plông: 859 triệu đồng; huyện Ia H'Drai: 537 triệu đồng.

<sup>27</sup> Tỷ lệ trẻ từ 06-11 tháng được uống vitamin A: 5.238/5.342 đạt 98,1%; Tỷ lệ trẻ từ 12-35 tháng được uống vitamin A: 23.094/23.311 đạt 99,1%; Tỷ lệ trẻ từ 36-59 tháng được uống vitamin A: 24.624/24.867 đạt 99,0%; Tỷ lệ trẻ từ 06-59 tháng được uống vitamin A: 52.956/53.520 đạt 98,9%; Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được cân, đo đạt 98,2%; Tỷ lệ trẻ 24-60 tháng tuổi uống thuốc tẩy giun đạt 99,0%.

+ Kết quả thực hiện: Đối với vốn đầu tư phát triển, kinh phí được giao là 16.710 triệu đồng, đã được phê duyệt 01 danh mục dự án<sup>28</sup>; đối với vốn sự nghiệp: hiện nay các huyện, thành phố đã tiến hành phân bổ vốn và triển khai các hoạt động theo quy định<sup>29</sup>. Đã tổ chức 32 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 662 học viên tham gia.

**- Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

+ Ngân sách trung ương phân bổ: 2.300 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Hiện nay các địa phương đang tiến hành triển khai thực hiện<sup>30</sup>.

**- Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững**

+ Ngân sách trung ương phân bổ: 9.447 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 3.283 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 6.164 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Đối với vốn đầu tư: 3.283 triệu đồng, cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh) triển khai thực hiện 01 dự án; Đối với vốn sự nghiệp: phân bổ cấp tỉnh (Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh): 616 triệu đồng; cấp huyện, thành phố: 5.548 triệu đồng<sup>31</sup>. Đã tổ chức được 16 phiên giao dịch việc làm với 741 người tham gia<sup>32</sup>; các huyện, thành phố thực hiện nội dung thu thập, phân tích, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động trên địa bàn; triển khai xây dựng kế hoạch và đẩy nhanh tiến độ thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động cư trú; tổ chức tuyên truyền chính sách pháp luật lao động việc làm và tư vấn giới thiệu việc làm trên địa bàn quản lý.

**5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

- Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2023 là 17.780 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình<sup>33</sup> làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định. Hiện nay 03 huyện nghèo

<sup>28</sup> Trường Cao đẳng Kon Tum 16.710 triệu đồng, 01 dự án, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Kon Tum.

<sup>29</sup> Thành phố Kon Tum: 1.106 triệu đồng; huyện Đăk Hà: 2.374 triệu đồng; huyện Đăk Tô: 2.070 triệu đồng; huyện Ngọc Hồi: 1.714 triệu đồng; huyện Tu Mơ Rông: 2.771 triệu đồng; huyện Đăk Glei: 2.494 triệu đồng; huyện Sa Thầy: 2.812 triệu đồng; huyện Kon Rẫy: 2.141 triệu đồng; huyện Kon Plông: 2.706 triệu đồng; huyện Ia H'Drai: 999 triệu đồng.

<sup>30</sup> Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: 414 triệu đồng; huyện Kon Plông: 694 triệu đồng; huyện Ia H'Drai: 694 triệu đồng; huyện Tu Mơ Rông: 498 triệu đồng.

<sup>31</sup> Thành phố Kon Tum: 529 triệu đồng; huyện Đăk Hà: 764 triệu đồng; huyện Đăk Tô: 569 triệu đồng; huyện Ngọc Hồi: 471 triệu đồng; huyện Tu Mơ Rông: 489 triệu đồng; huyện Đăk Glei: 626 triệu đồng; huyện Sa Thầy: 778 triệu đồng; huyện Kon Rẫy: 452 triệu đồng; huyện Kon Plông: 602 triệu đồng; huyện Ia H'Drai: 270 triệu đồng.

<sup>32</sup> Tu Mơ Rông: 11 phiên có 525 người tham gia; Kon Plông: 05 phiên có 216 người tham gia.

<sup>33</sup> Tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó: Tổng số hộ nghèo, cận nghèo hỗ trợ nhà ở trên địa bàn các huyện nghèo giai đoạn 2021 - 2025: là 876 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 606 hộ và sửa chữa nhà ở 270 hộ). Định mức hỗ trợ: Nhà ở xây mới 44 triệu đồng/hộ; gồm có: ngân sách

đã thực hiện phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương để triển khai, thực hiện, dự kiến năm 2023 sẽ hỗ trợ khoảng 530 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 359 hộ và sửa chữa nhà ở 171 hộ*). Đã thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 347 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 254 hộ, sửa chữa nhà ở là 93 hộ*)<sup>34</sup>. Tổng số nguồn vốn trung ương đã giải ngân: 8.281,8 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện nghèo (*Ia H'Drai, Kon Plông, Tu Mơ Rông*) tăng cường công tác kiểm tra và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn năm 2023 đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở<sup>35</sup>. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã theo dõi, hướng dẫn, giám sát và giúp đỡ các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong quá trình xây mới hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

## **6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

### ***- Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin***

+ Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2023 4.490 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: đã tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở cho 65 lượt cán bộ cấp xã (xã khu vực III) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện việc sửa chữa thiết bị cụm thông tin điện tử tại cửa khẩu Pờ Y, huyện Ngọc Hồi. Ngoài ra, còn đang triển khai thực hiện các nội dung: Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông<sup>36</sup>).

### ***- Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều***

+ Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2023 là 2.190 triệu đồng.

---

trung ương 40 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) 4 triệu đồng/hộ; Sửa chữa nhà ở 22 triệu đồng/hộ; gồm có: ngân sách trung ương 20 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) 2 triệu đồng/hộ. Tổng nguồn vốn thực hiện Đề án: Ngân sách trung ương và địa phương là 32.604 triệu đồng, gồm có: Ngân sách trung ương là 29.640 triệu đồng và ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 2.964 triệu đồng (*bao gồm: Xây dựng mới nhà ở là 26.664 triệu đồng và 5.940 triệu đồng*).

<sup>34</sup> Huyện Kon Plông đã thực hiện hỗ trợ 79 hộ, gồm có: Nhà xây mới ở là 68 hộ và sửa chữa nhà là 11 hộ. Huyện Ia H'Drai đã thực hiện hỗ trợ 112 hộ, gồm có: Nhà xây mới ở là 37 hộ và sửa chữa nhà là 75 hộ. Huyện Tu Mơ Rông đã thực hiện hỗ trợ 156 hộ, gồm có: Nhà xây mới ở là 149 hộ và sửa chữa nhà là 07 hộ.

<sup>35</sup> Tại các Văn bản số: 2144/UBND-HTKT ngày 07/7/2023; 3006/UBND-HTKT ngày 11/9/2023 và 3663/UBND-HTKT ngày 25/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>36</sup> Tại Văn bản số 252/BTTTT-KHTC ngày 19/01/2023 về việc hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023.

+ Kết quả thực hiện: Đã tiến hành hợp đồng truyền thông với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum, Tạp chí Lao động và Xã hội tuyên truyền về công tác giảm nghèo với hình thức là phóng sự và tin<sup>37</sup>; triển khai kế hoạch xây dựng 12 cụm Pano tuyên truyền về giảm nghèo trên địa bàn 10 huyện thành phố; Tổ chức 11 cuộc đối thoại chính sách và truyền thông về công tác giảm nghèo, có 937 người tham gia<sup>38</sup>; in, treo 110 băng rôn tuyên truyền nhân Tháng cao điểm vì người nghèo năm 2023.

## **7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

### **- Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

+ Kinh phí ngân sách trung ương (*vốn sự nghiệp*) phân bổ năm 2023 là 4.920 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Cấp tỉnh đã tổ chức 05 lớp tập huấn triển khai Chương trình và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, có 436 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp tham gia. Cấp huyện, thành phố đã tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác giảm nghèo, có 205 lượt người tham gia<sup>39</sup>. Tổ chức 04 đợt tham quan, học tập kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình<sup>40</sup>.

### **- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá**

+ Kinh phí ngân sách trung ương (*vốn sự nghiệp*) phân bổ năm 2023 là 2.631 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện: Đã tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát cấp tỉnh tại các huyện, thành phố và Trường Cao đẳng Kon Tum<sup>(41)</sup>. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát tại các cấp và triển khai thực hiện theo quy định và tổ chức được 06 đợt kiểm tra, giám sát trên địa bàn các xã, phường, thị trấn<sup>(42)</sup>./.

<sup>37</sup> Thực hiện 02 phóng sự; 05 bài.

<sup>38</sup> Thực hiện tại huyện Sa Thầy 03 cuộc; huyện Đăk Glei 02 cuộc; Kon Plông 03 cuộc và Tu Mơ Rông 03 cuộc.

<sup>39</sup> Huyện Kon Rẫy và Sa Thầy.

<sup>40</sup> Cấp tỉnh tổ chức 01 đợt (năm 2022 kéo dài); huyện Ngọc Hồi, Đăk Tô và Sa Thầy.

<sup>41</sup> Tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát tại Kon Plông, Ia H'Drai, Tu Mơ Rông, Đăk Glei, Đăk Tô, Đăk Hà, Sa Thầy, thành phố Kon Tum và Trường Cao đẳng Kon Tum.

<sup>42</sup> Huyện Đăk Hà đã tổ chức 01 đợt tại 05 xã; huyện Kon Rẫy tổ chức 01 đợt tại 04 xã; huyện Ia H'Drai tổ chức 01 đợt tại 03 xã; thành phố Kon Tum thực hiện 01 đợt tại 05 xã, phường.